

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-ST

Ngày: 09-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Bửu Hòa

Ông Nguyễn Tuấn Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2892/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2021, về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-DS, ngày 24/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1971; Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1963; Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 29/01/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh Nguyễn Văn V có làm chủ đầu thảo nhiều dây hui (Chủ hui), thỏa thuận bằng lời nói, không có làm văn bản, nhưng anh V có giao danh sách hui viên cho hui viên theo dõi. Bà Nguyễn Thị M có tham gia hui, cụ thể trong các dây hui như sau:

1. Dây hui mở ngày 10/02/2015 âl (Dây 3), loại hui 1.000.000 đồng, hui 4

tháng khui 01 lần, hui khui theo vụ lúa, gồm 17 phần. Hui khui lần đầu vào ngày 10/02/2015 âl, bà M tham gia 02 phần, tiền huê hồng cho chủ đầu thảo ở mỗi lần khui hui là 400.000 đồng. Trong dây hui này ở lần khui thứ 1 (Phần 1), bà M kêu hui 400.000 đồng nên hót được hui, anh V đã giao đủ tiền hui cho bà M bằng 9.200.000 đồng (Đã trừ tiền huê hồng). Đến lần khui thứ 2 (Phần 2), bà M kêu hui 300.000 đồng nên hót được hui, anh V đã giao đủ tiền hui cho bà M bằng 11.100.000 đồng (Đã trừ tiền huê hồng). Sau đó, bà M đã đóng hui chét đầy đủ nhưng từ lần khui thứ 13 đến lần khui thứ 17, bà M không đóng hui chét nên anh V đã choàng hui thay cho bà M 05 lần (02 phần) bằng 10.000.000 đồng. Hiện dây hui này đã mãn hui, bà M còn nợ anh V 10.000.000 đồng.

2. Dây hui mở ngày 25/4/2018 âl (Dây 3), loại hui 1.000.000 đồng, hui 01 tháng khui 01 lần, gồm 21 phần, khui lần đầu vào ngày 25/4/2018 âl, bà M tham gia 02 phần, tiền huê hồng cho mỗi lần khui hui là 400.000 đồng. Ở lần khui thứ 6 (Phần 1), bà M kêu hui 200.000 đồng nên hót được hui, anh V đã giao đủ tiền hui cho bà M bằng 16.400.000 đồng (Đã trừ tiền huê hồng). Đến lần khui thứ 7 (Phần 2), bà M kêu hui 200.000 đồng nên hót được hui, anh V đã giao đủ tiền hui cho bà M bằng 16.800.000 đồng (Đã trừ tiền huê hồng). Sau đó, bà M đã đóng hui chét cho anh V đầy đủ. Từ lần khui thứ 13 đến lần khui thứ 21, bà M không đóng hui chét, anh V đã choàng cho bà M 09 lần với số tiền 18.000.000 đồng (02 phần). Hiện dây hui này đã mãn hui, Bà M có gửi cho anh V 4.500.000 đồng, còn nợ lại 13.500.000 đồng.

3. Ngoài ra, vào ngày 17/10/2014 âl, bà Nguyễn Thị M có làm chủ đầu thảo 01 dây hui (Trong danh sách để tên đầu thảo là Sáu Th), loại hui 3.000.000 đồng, hui 4 tháng khui 01 lần, khui theo vụ lúa, gồm 20 phần. Hui khui lần đầu vào ngày 17/10/2014 âl, anh V tham gia 01 phần. Bà M có giao danh sách hui viên cho anh V giữ, tiền huê hồng cho mỗi lần khui hui là 1.500.000 đồng. Dây hui này khui đến lần thứ 15, bà M tuyên bố úp hui. Anh V đã đóng hui sống trong 14 lần là 13.580.000 đồng, bà M chưa trả số tiền này cho anh V.

Bà M còn nợ anh Nguyễn Văn V tổng cộng tiền hui chét, tiền hui sống bằng 37.080.000 đồng. Anh V yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả nợ hui cho anh V anh V không yêu cầu tính lãi. Anh V không thừa nhận việc bà L có trả thêm cho anh số tiền 2.800.000 đồng, anh không đồng ý trừ ra số tiền này. Anh V yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị M thừa nhận bà có tham gia hui do anh Nguyễn Văn V làm chủ đầu thảo như anh Nguyễn Văn V đã trình bày. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói, không có làm văn bản nhưng anh V có giao danh sách hui viên cho bà theo dõi, cụ thể ở dây hui thứ 3, mở ngày 10/02/2015 âl, loại hui 1.000.000 đồng, hui 4 tháng khui 01 lần, hui khui theo vụ lúa, gồm 17 phần. Hui khui lần đầu vào ngày 10/02/2015 âl, bà tham gia 02 phần, tiền huê hồng cho chủ đầu thảo ở mỗi lần khui

là 400.000 đồng. Trong dây hụi này bà đều đã hốt hụi và anh V đã giao đủ tiền hụi cho bà. Hiện hụi này đến nay đã mãn, bà thừa nhận còn nợ anh V 05 lần hụi chết bằng 10.000.000 đồng (05 lần x 02 phần). Đối với dây hụi mở ngày 25/4/2018 âl, dây thứ 3, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 lần, gồm 21 phần, khui lần đầu ngày 25/4/2018 âl, bà tham gia 02 phần, tiền huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 400.000 đồng. Trong dây hụi này bà đều đã hốt hụi và anh V đã giao đủ tiền hụi cho bà, dây hụi này đến nay đã mãn, bà thừa nhận còn nợ anh V 09 lần hụi chết bằng 18.000.000 đồng (09 lần x 02 phần) nhưng bà có gửi trả cho anh V được 4.500.000 đồng còn nợ lại 13.500.000 đồng chưa trả.

Bà M cũng thừa nhận anh Nguyễn Văn V có tham gia hụi do bà làm chủ đầu thảo, loại hụi 3.000.000 đồng, hụi 04 tháng khui 01 lần, khui theo vụ lúa, gồm 20 phần. Hụi khui lần đầu ngày 17/10/2014 âl, anh V tham gia 01 phần, anh V có đóng tiền hụi sống cho bà 14 lần 13.580.000 đồng. Đến lần khui thứ 15, do hụi viên không đóng hụi chết nên bà tuyên bố úp hụi.

Tổng cộng bà còn nợ anh Nguyễn Văn V số tiền 37.080.000 đồng, bà M trình bày thêm là bà có trả tiền thêm cho anh Nguyễn Văn V 03 lần với số tiền 2.800.000 đồng nhưng không có chứng cứ để chứng minh, bà M đồng ý trả số tiền 37.080.000 đồng cho anh V nhưng phải trừ ra thêm số tiền 2.800.000 đồng. Bà M yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Nguyễn Thị M thừa nhận có nợ anh Nguyễn Văn V tiền hụi sống và tiền hụi anh V đã choàng thay cho bà M bằng 37.080.000 đồng, trong dây hụi mở ngày 17/10/2014 âl, loại hụi 3.000.000 đồng; Hụi mở ngày 10/02/2015 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi thứ 3; Hụi mở ngày 25/4/2018 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi thứ 3.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Bà Nguyễn Thị M đồng ý trả số tiền nợ hụi cho anh V bằng 37.080.000 đồng nhưng yêu cầu trừ ra thêm số tiền 2.800.000 đồng nhưng anh V không đồng ý vì anh không có nhận số tiền 2.800.000 đồng của bà M như bà M khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V; Bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh V, bà M.

Ngày 27/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã nhập các vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2889, 2890, 2892/2021/TLST-DS, cùng ngày 08/3/2021 thành vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2892/2021/TLST-DS, ngày 08/3/2021.

[3] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị M có lời khai thống nhất xác định: Anh Nguyễn Văn V làm chủ đầu thảo hụi, bà Nguyễn Thị M có tham gia trong các dây hụi do anh V mở và bà M còn nợ tiền hụi chết của anh V đã choàng bằng 23.500.000 đồng trong dây hụi thứ 3, mở ngày 10/02/2015 âl, loại hụi 1.000.000 đồng và dây hụi thứ 3, mở ngày 25/4/2018 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, bà M cũng thừa nhận còn nợ tiền hụi sống của anh V trong 14 lần góp bằng 13.580.000, trong dây hụi mở ngày 17/10/2014 âl, loại hụi 3.000.000 đồng đây là những tình tiết nguyên đơn anh Nguyễn Văn V không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V không thừa nhận có việc bà M có trả cho anh thêm số tiền 2.800.000 đồng, bà M không có chứng cứ để chứng minh nên bà M phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự đối với số tiền 2.800.000 đồng.

[4] Xét thấy: Bà Nguyễn Thị M thừa nhận có làm chủ đầu thảo hụi và có tham gia góp hụi của anh Nguyễn Văn V làm chủ đầu thảo, bà M còn nợ tiền hụi chết, hụi sống của anh Nguyễn Văn V bằng 37.080.000 đồng. Nay anh V kiện đòi bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ hoàn trả nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho anh V số tiền nợ hụi 37.080.000 đồng, anh Nguyễn Văn V không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do bị đơn bà Nguyễn Thị M không có chứng cứ để chứng minh cho việc bà M có trả thêm cho anh V số tiền 2.800.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét để khấu trừ lại.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 42, 92; Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ, về họ, hụi, biếu, phưởng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V.

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền hụi còn nợ bằng **37.080.000** đồng (Trong các dây hụi mở ngày 17/10/2014 âl, loại hụi 3.000.000 đồng; Dây hụi mở ngày 10/02/2015 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi thứ 3; Dây hụi mở ngày 25/4/2018 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi thứ 3). Anh Nguyễn Văn V không yêu cầu tính lãi.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.854.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn V các số tiền tạm ứng án phí 206.750 đồng; 250.000 đồng; 320.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0001798, 0001796, 0001795, cùng ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V, bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

